

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 62/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đ T H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Bản N K, xã M C, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh Đ X H1, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Bản N K, xã M C, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đ T H và anh Đ X H1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ T H và anh Đ X H1 thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con sau khi ly hôn: Chị Đ T H và anh Đ X H1 có hai con chung chưa thành niên là cháu Đ A Q, sinh ngày 27/10/2008 và Đ N P T, sinh ngày 14/9/2014. Chị Đ T H và anh Đ X H1 thỏa thuận về nuôi con chung sau khi ly hôn như sau:

Giao cho anh Đ X H1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả **hai** con chung chưa thành niên là cháu Đ A Q, sinh ngày 27/10/2008 và Đ N P T, sinh ngày 14/9/2014 cho đến khi **hai con chung** thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Đ T H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với **anh H. Anh H1** có quyền yêu cầu **chị H** cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Chị Đ T H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Đ T H và anh Đ X H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đ T H và anh Đ X H1 mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh, chị là để chị H nộp toàn bộ số tiền án phí mà anh H1 phải nộp. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị H phải nộp là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị H đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: **AA/2021/0000569 ngày 05/7/2021** tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Chị H được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh);
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THADS huyện Than Uyên;
- **UBND xã Mường Cang;**
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lường Xuân Thu